TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Ông Đặng Thanh Phong.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Sa Ranh T, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Sơn Thái N, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Con chung từ 07 tuổi trở lên:*

1. Cháu Sơn Thị Yến T1, sinh ngày 29/9/2007 (có mặt).

2. Cháu Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 30/7/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Thạch Thị Sa Ranh T trình bày: Bà và ông Sơn Thái N kết hôn vào năm 2006. Đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm. Vợ chồng chung sống được 13 năm thì thời gian gần đây ông N thay đổi tâm tính, thường xuyên say rượu về chửi bà T, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Bà T nhiều lần khuyên ông N bỏ rượu cùng bà lo cho gia đình và con cái, nhưng ông N không sửa đổi. Nay bà T xác định hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 người con tên Sơn Thị Yến Th1, sinh ngày 29/9/2007 và Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012. Hiện nay hai con chung đang sống với bà T. Bà T yêu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung đến tuổi trưởng thành. Yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2019 và tại phiên tòa, bị đơn ông Sơn Thái N trình bày:* Ông và bà Thạch Thị Sa Ranh T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm vào năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N thừa nhận có chửi bà T do bà T đi mua bán phế liệu không nấu cơm đúng giờ cho con, không chăm lo cho chồng con. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không lớn đến phải ly hôn, ông N hứa sẽ sửa đổi tính tình. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý, vì ông còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Có 02 người con tên Sơn Thị Yến T1, sinh ngày 29/9/2007 và Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012. Hiện nay hai con chung đang sống với bà T. Nếu ly hôn thì ông N yêu được nuôi dưỡng hai người con chung đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp con yêu cầu sống với bà T thì ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2019 và tại phiên tòa, con từ 07 tuổi trở lên là cháu Sơn Thị Yến T1 và Sơn Minh T2 trình bày:* Khi cha, mẹ cháu là bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5,6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Thạch Thị Sa Ranh T được ly hôn với Sơn Thái N; Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị Sa Ranh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Sơn Thị Yến T1, sinh ngày 29/9/2007 và Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012 (theo nguyện vọng của Sơn Thị Yến T1 và Sơn Minh T2). Ông Sơn Thái N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Sơn Thái N cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm vào năm 2009. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông N, vì bà T cho rằng không còn tình cảm với ông N, giữa bà và ông N không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Ông N không đồng ý ly hôn, vì ông cho rằng còn thương vợ, nhưng ông N thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, ông cũng không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, giữa bà T và ông N không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không thể hòa thuận. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị Sa Ranh T.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N có 02 người con là Sơn Thị Yến T1, sinh ngày 29/9/2007 và Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012, hiện nay con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T và ông N đều có yêu cầu nuôi cả hai người con. Xét thấy, cháu Sơn Thị Yến T1 và Sơn Minh T2 đều có nguyện vọng được sống với mẹ, nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2 là hợp lý và chính đáng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung là Sơn Thị Yến T1 và Sơn Minh T2 đến tuổi trưởng thành (theo nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2). Ông Sơn Thái N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị Sa Ranh T yêu cầu ông Sơn Thái N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Ông Sơn Thái N, đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất ấp dụng khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thỏa thuận của bà T và ông N về mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là ½ tháng lương cơ sở. Mức lương cơ sở hiện tại là 1.490.000đ/tháng x ½ = 745.000đ/tháng. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Sơn Thị Yến T1, sinh ngày 29/9/2007 và Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012, mức cấp dưỡng mỗi người là 745.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2019) cho đến khi cháu Sơn Thị Yến T1 và Sơn Minh T2 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

[5.1] Bà Thạch Thị Sa Ranh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[5.2] Ông Sơn Thái N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Sa Ranh T được quyền ly hôn với ông Sơn Thái N.

[2] Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị Sa Ranh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Sơn Thị Yến T1, sinh ngày 29/9/2007 và Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012 đến tuổi trưởng thành (theo nguyện vọng của cháu Sơn Thị Yến T1 và Sơn Minh T2)

[3] Ông Sơn Thái N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Sơn Thái N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Sơn Thị Yến T1, sinh ngày 29/9/2007 và Sơn Minh T2, sinh ngày 25/5/2012, mức cấp dưỡng cho mỗi người là 745.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2019) cho đến khi Sơn Thị Yến T1 và Sơn Minh T2 đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Thạch Thị Sa Ranh T và ông Sơn Thái N trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí:

[7.1] Bà Thạch Thị Sa Ranh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009050 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà T đã nộp xong.

[7.2] Ông Sơn Thái N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Tâm
(CNKH số 04, ngày 08/9/2009);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ